

Quá trình biến đổi cấu tạo địa danh hành chính Thăng Long - Hà Nội triều Nguyễn (1802-1945)

Nguyễn Thị Việt Thanh*

*Viện Việt Nam học & Khoa Học Phát Triển, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 08 tháng 10 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 13 tháng 10 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 10 năm 2014

Tóm tắt: Trên cơ sở hoàn cảnh và điều kiện lịch sử triều Nguyễn với nhiều biến động lớn, đặc biệt là cuộc cải cách hành chính lớn của vua Minh Mệnh và việc thực dân Pháp chiếm đóng, biến Hà Nội thành thành phố thuộc địa, bài viết giới thiệu đặc điểm của hệ thống địa danh hành chính Thăng Long - Hà Nội trong ba giai đoạn: giai đoạn 1802-1831, 1831-1887 và giai đoạn sau 1888. Cùng với việc mô tả những đặc điểm chung nhất của hệ thống địa danh, từ đặc điểm của đơn vị chỉ loại, số lượng âm tiết, nguồn gốc đến đặc trưng cấu tạo mang tính điển hình so với các khu vực khác, bài viết tập trung làm rõ những khác biệt quan trọng giữa các giai đoạn, trong đó nổi bật là các phương thức xây dựng và cấu tạo địa danh mới dưới ảnh hưởng của chủ trương “Hán hóa”, sử dụng mỹ tự của triều đình và chủ trương sáp nhập các đơn vị hành chính cơ sở. Thông qua các tư liệu và phân tích, bài viết muốn cung cấp những nét nổi bật nhất của bức tranh địa danh hành chính trong hơn một thế kỷ triều Nguyễn, qua đó phần nào phản ánh những dấu ấn lịch sử, văn hóa, xã hội của Thăng Long - Hà Nội trong giai đoạn lịch sử này.

Từ khóa: Địa danh hành chính, đơn vị hành chính, Thăng Long-Hà Nội, phức thể địa danh, phương thức cấu tạo, giai đoạn lịch sử.

1. Hoàn cảnh lịch sử

Triều đại Tây Sơn sụp đổ sau một thời gian ngắn ngủi, vua Gia Long lên ngôi Hoàng đế năm 1802, thành lập chế độ quân chủ triều Nguyễn và kết thúc khi vua Bảo Đại thoái vị năm 1945. Sau khi thành lập, nhà Nguyễn tiếp tục chọn Huế làm Kinh đô cho triều đại mới. Thành Thăng Long mất đi vai trò thủ đô của đất nước. Trên cơ sở đặc thù phương thức tổ chức hành chính của Thăng Long - Hà Nội, có thể

chia 143 năm thuộc triều Nguyễn thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (từ năm 1802-1831): Bắt đầu bằng sự lên ngôi của vua Gia Long, kéo dài đến trước cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mệnh. Với lý do Kinh thành chuyển vào Huế, triều đình quyết định giữ nguyên tên Thăng Long, nhưng đổi chữ Hán từ Thăng Long (昇龍) có nghĩa là Rồng bay thành Thăng Long 升隆 (có nghĩa là Thịnh vượng), đổi tên phủ Phụng Thiên thành phủ Hoài Đức, gồm 2 huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xương. Theo *Các trấn tổng xã danh bị lãm* (1810-1813) [1] huyện Thọ

*ĐT: 84-904152536.

Email: thanhntv@vnu.edu.vn

Xương (trước là Vĩnh Xương) có 8 tổng, gồm 193 phường, thôn, trại. Huyện Vĩnh Thuận (trước là Quảng Đức) có 5 tổng, gồm 56 xã, thôn, phường, trại.

Giai đoạn 2 (từ năm 1831-1887): Được đánh dấu bằng cuộc cải cách hành chính quy mô lớn trên phạm vi toàn quốc của vua Minh Mạng. Tên gọi Hà Nội lần đầu tiên xuất hiện với vai trò tên một tỉnh hành chính. Địa giới Hà Nội được mở rộng, bao gồm 4 phủ Hoài Đức, Thường Tín, Ứng Hòa, Lý Nhân và 15 huyện. Phủ Hoài Đức gồm 3 huyện: Vĩnh Thuận, Thọ Xương và Từ Liêm. Theo *Hà Nội địa bạ* (1866), huyện Thọ Xương có 8 tổng, nhưng số lượng đơn vị hành chính giảm xuống còn 116 đơn vị. Huyện Vĩnh Thuận có 5 tổng, số lượng đơn vị hành chính cũng giảm xuống còn 40.

Giai đoạn 3 (từ năm 1887-1945): Sau khi Tự Đức ký hòa ước công nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, Hà Nội bước vào thời kỳ thuộc địa. Khu vực Thăng Long - Hà Nội xưa có những thay đổi cơ bản: Phần lớn huyện Thọ Xương và một phần huyện Vĩnh Thuận được lấy làm phố, nằm dưới sự quản lý của chính quyền thực dân. Theo Danh mục làng xã Hà Nội cuối thế kỷ 19 (1890) huyện Thọ Xương còn lại 3 tổng gồm 12 đơn vị cơ sở, huyện Vĩnh Thuận còn lại 4 tổng gồm 29 đơn vị, cùng một số khu vực quanh Hà Nội, lập thành huyện Hoàn Long. Ngày 1/1/1915, theo quyết định của Toàn quyền Đông Dương, huyện Hoàn Long (sau đổi tên thành Đại lý Hoàn Long) được sáp nhập vào tỉnh Hà Đông và năm 1942 được sáp nhập trở lại vào thành phố Hà Nội, đổi tên thành "Đại lý đặc biệt"². Phúc thể địa danh và bộ phận chỉ loại trong địa danh Thăng Long-Hà Nội.

Trên cơ sở các tư liệu là các bản dịch chữ Quốc ngữ được xuất bản và lưu hành hiện nay về hệ thống địa danh hành chính Thăng Long-Hà Nội, có thể thấy đại đa số trong kết cấu phức

thể địa danh, yếu tố chỉ loại đứng trước, yếu tố định danh đứng sau. Tuy vậy, nếu dựa vào các văn bản gốc thì thấy các tài liệu liên quan đến địa danh hành chính từ đầu thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20 được viết bằng hai loại hình văn tự, hoặc là bằng chữ Hán (hoặc Nôm), hoặc bằng chữ Quốc ngữ. Việc khảo sát kết cấu của các phức thể địa danh không thể không chú ý đến đặc điểm này. Đối với các tài liệu được xuất bản và lưu hành bằng chữ Hán như *Các trấn tổng xã danh bị lãm* (1810-1813), *Bắc Thành dư địa chí lục* (khoảng 1818-1821), *Hà Nội địa bạ* (1866) [1] tất cả các địa danh đều được ghi chép theo trật tự Hán, tức là phần định danh đứng trước, phần chỉ loại đứng sau: 永順縣 (Vĩnh Thuận huyện), 安城總 (Yên Thành tổng), 安宅村 (An Trạch thôn), 盛珽寨 (Thịnh Quang phường). Khi chuyển dịch viết bằng chữ Quốc ngữ, các tác giả hiện đại đều chuyển theo trật tự tiếng Việt với kết cấu yếu tố chỉ loại đứng trước, yếu tố định danh đứng sau (huyện Vĩnh Thuận, thôn An Trạch...).

Trong phức thể địa danh hành chính, phần chỉ loại biểu thị các cấp trong bộ máy tổ chức hành chính như tỉnh, huyện, xã/phường... Số lượng các từ giữ vị trí này rất hạn chế và có thể thay đổi trong những giai đoạn lịch sử khác nhau. Qua các từ chỉ loại này, phần nào có thể hiểu được đặc trưng tổ chức hành chính của từng triều đại trong một giai đoạn hoặc một khu vực nhất định. Đối với Thăng Long, "thời Lý - Trần - Hồ được biết đến với cấp kinh thành và phường, từ thời Lê sơ trở đi bắt đầu hình thành hệ thống ba cấp, gồm phủ, huyện, phường, về sau (khoảng cuối thế kỷ 18) thêm cấp tổng trung gian giữa huyện và phường" [3], trong đó phường là loại đơn vị hành chính cơ sở đặc thù, chỉ có ở Thăng Long, "chính thức được xác nhận và hoạch định lại vào đời Trần" [4] tồn tại tới đời Lê (cuối thế kỷ 18). Trong giai đoạn đầu

nhà Nguyễn, tổ chức hành chính của Thăng Long về cơ bản giống như các giai đoạn trước, tuy nhiên phường không còn là đơn vị hành chính cơ sở duy nhất nữa. Các đơn vị với tên gọi có chữ thôn, trại, xã ... bắt đầu xuất hiện, được tách ra từ các phường cổ nhưng có vị thế hành chính hoàn toàn ngang bằng với phường.

Huyện Thọ Xương chỉ có 20 phường nhưng có tới 172 thôn, 1 trại, trong khi đây có thể coi là khu vực trung tâm nhất của Thăng Long. Thôn - đơn vị mang tính đặc trưng của khu vực nông thôn lại chiếm đa số tại khu vực chủ yếu phổ biến các phường nghề thủ công, sản xuất, buôn bán. Khu vực nằm giữa thành Thăng Long và sông Nhị Hà, nơi hàng trăm năm sầm uất với các phường nghề nổi tiếng, hoạt động trong cơ cấu tổ chức xã hội về cơ bản theo kiểu đô thị phong kiến, nhưng đơn vị hành chính với tên gọi thôn lại chiếm đa số. Tổng Tả Túc có 23/29 đơn vị là thôn, 6 đơn vị được gọi là phường lại là các phường Thủy Cơ chỉ làm nghề chài lưới ven sông Hồng. Tổng Hậu Túc (trung tâm khu vực phố cổ hiện nay) có 25/29 đơn vị là thôn và chỉ có 4 phường là phường Thái Cực, Đông Hà, Đồng Lạc, Phúc Phố. Một số phường cổ có từ rất lâu đời ở đất Thăng Long như phường Cổ Vũ, phường Báo Thiên được tách thành nhiều thôn. Đây là một trong những minh chứng cho chủ trương "nông thôn hóa" của triều đình nhà Nguyễn đối với vùng đất phồn hoa này khi Thăng Long không còn là Kinh Thành nữa [4].

Trong khi đó huyện Vĩnh Thuận mặc dù diện tích có phần lớn hơn song dân cư thưa thớt, số lượng đơn vị hành chính ít hơn nhiều so với huyện Thọ Xương. Huyện gồm 16 phường, 25 thôn, 13 trại và hai đơn vị được gọi là tràng (*Ngũ Xá tràng và Tứ Chiếng tràng*). Tuy vậy toàn bộ đơn vị cơ sở của hai tổng Thượng và tổng Trung đều được gọi là phường, mặc dù khu vực này nằm bao quanh Hồ Tây, chủ yếu

làm nghề trồng lúa, trồng dâu nuôi tằm, trồng hoa... như các phường Tây Hồ, Quảng Bá, Nghi Tàm, Hòe Nhai, Vông Thị... Còn tổng Yên Thành nằm ở vị trí bao sát ngay cạnh thành Hà Nội (Kinh thành cũ) phía Tây và Bắc thì 24 trên tổng số 26 đơn vị hành chính được gọi là thôn, 2 đơn vị còn lại được gọi là tràng (do địa phương làm nghề đúc đồng). Hai tổng Trung và tổng Hạ là "vùng đất thuần túy nông nghiệp, toàn ruộng nước, ao hồ, cư dân từ nhiều vùng khác nhau đến khai hoang, lập trại, sống bằng nghề nông" [5] có 13 đơn vị hành chính được gọi bằng một loại đơn vị đậm chất "nông thôn" là trại.

Sau năm 1831, đại đa số đơn vị hành chính cấp cơ sở của 2 huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận vẫn là thôn (115 đơn vị, chiếm 74,5%). Sau thôn là phường (26 đơn vị, chiếm 16,7%), tiếp đó là trại (14 đơn vị, chiếm 8,1%). Hai đơn vị vốn được gọi là tràng đã được sáp nhập và mang tên gọi mới là thôn (thôn Lạc Chính). Bên cạnh đó xuất hiện một loại đơn vị hành chính cơ sở nữa được gọi là xã, nhưng chỉ có 1 đơn vị duy nhất là xã Cơ Xá thuộc tổng Phúc Lâm (trước là tổng Tả Túc), mặc dù tại thời điểm này, đơn vị xã là loại đơn vị cơ sở phổ biến ở cả nước. Cuối thế kỷ 19, phức thể địa danh của Hà Nội xuất hiện thêm đơn vị chỉ loại mới là Châu (*châu Vạn Ngọc, châu Ngọc Xuyên*) biểu thị các khu vực dân cư nằm ở bãi bồi ven sông.

2. Đặc trưng của bộ phận định danh giai đoạn 1802-1831

2.1. Về số lượng âm tiết

Bộ phận định danh của một địa danh thường được cấu tạo bằng một danh từ hoặc một danh ngữ, có độ dài từ 1 đến 8 âm tiết. Trong số 264 đơn vị địa danh của Thăng Long giai đoạn đầu (tên gọi 2 huyện, 13 tổng, 249 phường/thôn), số lượng các địa danh có 2 âm

tiết vẫn lớn hơn cả, chiếm 67,87%, trong đó đại đa số là từ Hán Việt (thôn Chân Tiên, phường Phục Cổ,...). Tuy vậy, các địa danh có số lượng lớn hơn 2 âm tiết cũng giữ một tỉ lệ đáng kể. Nhiều nhất là nhóm có 3 âm tiết (13,25%, như: thôn Khánh Thụy Tả, thôn Báo Thiên Tụ), tiếp theo là nhóm có 5 âm tiết (10,04 %, như thôn Trùng Thanh Hạ Hàng Kiếm, thôn Trung Hạ Phường Cổ Vũ), nhóm có 4 âm tiết (7,63%, như thôn Thủy Cơ Đông Trạch, Thủy Cơ Biện Dương). Đặc biệt một số trường hợp địa danh có 6 âm tiết, như thôn Trùng Thanh Trung Cựu Vệ Tả, thôn Tây Luông đồn Bến Đá Thị..., hoặc có tới 8 âm tiết (thôn Ngoại ô giáp Hương Bài phường Đông Hà). Đây là một hiện tượng khá đặc biệt khi so với địa danh của các khu vực khác cùng giai đoạn cũng như so với các giai đoạn sau của Thăng Long-Hà Nội.

2.2. Về nguồn gốc, các địa danh được chia thành 3 nhóm với tỷ lệ phân bố rất khác nhau

- Nhóm địa danh Việt:

Các địa danh Việt chỉ có 19 địa danh (chiếm 7,19%). Trong nhóm này, đa số là các địa danh bắt đầu bằng chữ "Hàng...": *Thôn Hàng Đàn, thôn Hàng Rau, thôn Hàng Bột, thôn Hàng Chài, Hàng Cháo*... Các địa danh này gắn với những nghề nghiệp mang tính đặc thù của từng phường nghề, tập trung ở khu vực huyện Thọ Xương. *Thôn Hàng Bài* có nhiều nhà làm và bán bài lá. Thôn Hàng Bột là một khu vực có nhiều cửa hàng chế biến và bán các loại bột gạo, bột sắn. Ngoài ra, một số địa danh sử dụng một yếu tố (hiện tượng, sự vật) mang tính đặc trưng của khu vực như Thôn Kho Súng, Thôn Cầu Cháy, Thôn Cầu Bươu (huyện Thọ Xương), thôn Bà Lầy (huyện Vĩnh Thuận), hoặc thể hiện đặc trưng địa lý như thôn Cửa Nam (nằm tại cửa Nam kinh thành)...Giống nhiều địa phương khác, rất nhiều đơn vị hành

chính ở Thăng Long bên cạnh tên chính thức còn có tên Nôm, đặc biệt là các phường thuộc tổng Yên Thành (huyện Vĩnh Thuận) và các thôn thuộc tổng Hậu Túc (huyện Thọ Xương, khu vực phố cổ ngày nay), như phường Thạch Khôi tên Nôm là Hàng Than, phường Nghi Tàm tên Nôm là làng Dâu, phường Đồng Lạc tên Nôm là Hàng Vải..., song hiện tượng tên Nôm được sử dụng với tư cách là địa danh hành chính chính thức không đáng kể.

- Nhóm địa danh Hán Việt: Các địa danh cấu tạo từ gốc Hán giữ ưu thế (217 địa danh, chiếm tới 82,19%). Giống như nhiều địa phương khác, do chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán, các địa danh Hán Việt có kết cấu 2 âm tiết, như thôn Mỹ Lộc, phường Thái Cực, tổng Yên Thành chiếm tỉ lệ khá lớn. Nhiều địa danh chủ yếu là các mỹ tự mang ý nghĩa về những điều tốt đẹp trong cuộc sống, chứa đựng các yếu tố như 安 (đọc là "an" hoặc "yên"), 順 (thuận), 新 (tân), 大 (đại), 義 (nghĩa), 福 (phúc), 美 (mĩ), 泰 (thái)... Tuy vậy không ít địa danh mô tả đặc điểm về mặt địa lý, nghề nghiệp hoặc những đặc điểm có tính điển hình của khu vực được đặt tên. Phường Xã Đàn là khu vực có đàn Xã Tắc của triều nhà Lý cầu mùa màng; thôn Giáo Phường là nơi tập trung sinh sống của nhiều gia đình làm nghề hát xướng; tràng Ngũ Xá là tên một khu vực dân cư làm nghề đúc đồng tập trung từ 5 xã tỉnh Bắc Ninh cũ có tên Nôm là làng Hè, làng Me, làng Giồng, làng Dí trên và làng Dí dưới. Ngay cạnh đó là tràng Tứ Chiếng, nơi tập trung dân cư từ 4 trấn quanh Thăng Long (trấn Kinh Bắc, Sơn Nam, Hải Hương và Sơn Tây) đến làm ăn rồi cũng lập Tràng (viết thành Tứ Chính 四正 và được đọc chệch là Tứ Chiếng); các phường Hòe Nhại, phường Liễu Giai gắn với truyền thuyết có từ các đời vua trước khi trồng các hàng cây hòe, cây liễu [6]. Nhiều địa danh trùng với tên các

chùa, đình nổi tiếng tọa lạc ở đó, như phường Bái Ân ở khu vực có chùa Bái Ân nổi tiếng; thôn mang tên Nhất Trụ Tự do ở đó có chùa Một Cột...

- Nhóm địa danh nguồn gốc hỗn hợp

Bên cạnh hai nhóm địa danh có gốc Hán Việt và gốc thuần Việt còn có một số địa danh có cấu tạo hỗn hợp, vừa sử dụng yếu tố Hán, vừa sử dụng yếu tố Việt trong một tên gọi. *Thôn Khán Sơn Núi Sưa* (tổng Yên Thành) là một phức thể kết hợp tên gọi của hai đối tượng, một đối tượng diễn đạt bằng chữ và theo trật tự Hán-Việt (Khán Sơn), một đối tượng được biểu đạt bằng từ thuần Việt (Núi Sưa), tích hợp hai tên gọi gắn với hai sự tích khác nhau: *Khán Sơn* là một gò đất cao, tương truyền vào thế kỷ 15 vua Lê Thánh Tông thường tới đây xem duyệt võ nghệ, còn *Núi Sưa* gắn với truyền thuyết đây là một núi từng trồng nhiều cây Sưa có gỗ rất quý. Một số địa danh khác cũng mang đặc điểm tương tự: thôn *Yên Hội Hàng Cháo*, thôn *Hữu Biên Giám Hàng Cháo*, thôn *Tây Luông Đồn Bến Đá Thị*... Mặc dù nhóm địa danh này không nhiều, song chúng cũng phản ánh một giai đoạn có tính giao thời giữa sử dụng địa danh Hán Việt mang tính uyên bác, sang trọng và địa danh thuần Việt mang tính dân dã, tự phát.

2.3. Về cấu tạo địa danh

Cái làm nên đặc trưng của địa danh Thăng Long giai đoạn này, theo chúng tôi, là phương thức ghép “mang tính cơ học” các yếu tố có chức năng khu biệt xung quanh một yếu tố được coi là “trung tâm”, tạo nên những đơn vị định danh mới. Chính phương thức này là nguyên nhân dẫn đến tình trạng độ dài của các địa danh lớn hơn so với các giai đoạn sau. Dựa trên đặc trưng ngữ nghĩa của “yếu tố có chức năng khu biệt”, chúng tôi tạm chia thành một số nhóm sau:

- Yếu tố có chức năng khu biệt biểu thị vị trí hoặc phương hướng

Trong 246 địa danh, có tới 86 địa danh chứa một hoặc một số yếu tố Hán Việt biểu thị ý nghĩa vị trí (thượng, trung, hạ, nội ...) hoặc ý nghĩa phương hướng (tả, hữu, đông...) hoặc cả hai. Các yếu tố này có thể đứng độc lập hoặc có thể kết hợp với các yếu tố khác để tạo nên một đơn vị địa danh. Song xét về phương thức cấu tạo, vai trò của chúng trong các kết cấu định danh không như nhau.

Hiện tượng thường gặp nhất là các yếu tố này kết hợp với một yếu tố gốc có nghĩa để tạo thành những đơn vị mới, thường tạo thành cặp. Yếu tố gốc này có thể chỉ là một âm tiết, như trường hợp cấu tạo địa danh các tổng của huyện Thọ Xương: Chỉ hai từ Hán 肅 (túc) và 嚴 (nghiêm), lần lượt kết hợp với các từ chỉ vị trí 右 (hữu), 左 (tả), 前 (tiền), 後 (hậu), tạo thành tên gọi của 8 tổng: 前肅 (Tiền Túc), 後肅 (Hậu Túc), 右肅 (Hữu Túc), 左肅 (Tả Túc), 前嚴 (Tiền Nghiêm), 右嚴 (Hữu Nghiêm), 後嚴 (Hậu Nghiêm), 左嚴 (Tả Nghiêm), tạo thành đơn vị định danh hai âm tiết có cấu trúc chặt chẽ. Yếu tố gốc này cũng có thể là một từ 2 âm tiết (thường là một địa danh đã có sẵn từ trước), như các trường hợp thôn *Khánh Thụy Tả* // thôn *Khánh Thụy Hữu*, thôn *Kim Bát Thượng* // thôn *Kim Bát Hạ*... Lúc này, các yếu tố Tả, Hữu, Thượng, Hạ có chức năng khu biệt hai đơn vị định danh cùng mang yếu tố gốc, phân biệt nhau ở vị trí hoặc phương hướng theo một trục không gian mang tính giả định tương đối. Phần lớn trường hợp các yếu tố này nằm phía sau yếu tố gốc theo trật tự tiếng Việt, song cũng có khi lại nằm phía trước yếu tố gốc, tạo thành kết hợp theo trật tự tiếng Hán, như thôn *Tả Bà Ngô* // thôn *Hữu Bà Ngô*.

Trường hợp thứ hai, cũng không phải hiếm gặp, là khi một địa danh chỉ do một yếu tố chỉ

vị trí (thượng, trung, hạ, nội, ngoại) đảm nhiệm. 4/5 tên gọi tổng thuộc huyện Vĩnh Thuận được cấu tạo chỉ bằng 1 âm tiết: *tổng Thượng, tổng Trung, tổng Hạ, tổng Nội* (ngoài ra còn một tổng là Yên Thành). Kiểu địa danh này rất thường gặp ở các vùng nông thôn Bắc hoặc Trung bộ. Tuy vậy, giá trị định danh và khu biệt của loại địa danh này chỉ có khi đặt trong một hệ quy chiếu nào đó. Ví dụ đối với các tổng của huyện Vĩnh Thuận, khi đặt các địa danh trên, nhà cầm quyền đương thời có lẽ đã dựa trên tư duy không gian mang tính ước lệ, đặt vị trí các tổng trên một mặt phẳng tính từ Bắc xuống Nam, từ trung tâm ra ngoại vi để quyết định tên gọi. Nếu hình dung bản đồ huyện Vĩnh Thuận trên một mặt phẳng đứng thì tổng Thượng nằm phía trên cùng (phía trên Hồ Tây), phía dưới là tổng Trung, tiếp theo là tổng Nội. Nằm ở vị trí dưới cùng (sát phủ Thường Tín trước đây, nay là vành đai 2 tại ranh giới các đường Đại La, đường Trường Chinh, đường Láng) là tổng Hạ.

Như đã biết, Thăng Long trong suốt ba thế kỷ được nhà Lê duy trì tổ chức hành chính của một phủ là Phụng Thiên, gồm hai huyện Vĩnh Xương và Quảng Đức, mỗi huyện chia thành 18 phường, tổng cộng là 36 phường. Đến thời Nguyễn, nhiều phường cổ được chia nhỏ thành thôn, xong dấu vết của chúng được lưu lại trong bản thân các địa danh với tư cách định ngữ. Như phường Cổ Vũ, một phường cổ nổi tiếng của Thăng Long, được xây dựng từ thế kỷ 11-14, nhưng đến thế kỷ 19 không còn nữa, song trong các tư liệu địa danh triều Gia Long tồn tại một loạt địa danh thôn có sử dụng yếu tố “phường Cổ Vũ”: *Thôn Thị Vật Phường Cổ Vũ, thôn Nhân Nội Phường Cổ Vũ, thôn Thượng Phường Cổ Vũ, thôn Trung Phường Cổ Vũ*. Chính quyền đã sử dụng phương thức cấu tạo địa danh đánh dấu được yếu tố gốc với ý nghĩa “cùng tách ra từ một đơn vị cũ”. Có thể có cách

giải thích tương tự đối với trường hợp nhóm 4 địa danh có yếu tố “phường Báo Thiên” nằm ở hai tổng sát nhau: *Thôn Thương Môn phường Báo Thiên // thôn Thương Môn Hạ phường Báo Thiên // thôn Thương Đông Hạ phường Báo Thiên (tổng Tiền Nghiêm) và thôn Tự Tháp Phường Báo Thiên (tổng Tiền Túc)*.

Tuy vậy, đối với các địa danh có yếu tố “phường Đông Tác” lại khác. *Đông Tác* nguyên là tên một trong 36 phường cổ vốn nằm ở khu vực Trung Tự. Thời Lê mạt, dân phường Đông Tác lên phố mở hàng nhuộm (nhiểm), tạo thành các làng nghề mới. Đến thế kỷ 19, phường Đông Tác không tồn tại với tư cách là một đơn vị hành chính độc lập, song dấu vết vẫn được lưu giữ trong địa danh khi chính quyền lập thôn trên cơ sở khu vực các làng nghề, tạo nên các địa danh cùng có “*phường Đông Tác*” nhưng lại phân bố ở những khu vực khác nhau. Thôn *Nhiễm Thượng phường Đông Tác* ở khu vực phố Cầu Gỗ, Hàng Dầu ngày nay; thôn *Nhiễm Trung phường Đông Tác* ở khu vực phố Đồng Xuân, Hàng Gạo ngày nay; trong khi đó vẫn tồn tại một phường gốc có tên là thôn *Trung Tự phường Đông Tác* tại khu vực Trung Tự. Trong cấu trúc các địa danh trên, “*phường Đông Tác*” giữ vai trò là yếu tố xác định nguồn gốc dân cư, tạo nên giá trị khu biệt cho các tên gọi này.

3. Sự biến đổi bức tranh địa danh giai đoạn 1831-1887

Theo Đại Nam thực lục, từ năm 1824, vua Minh Mạng đã có chủ trương xem xét lại tên gọi của các đơn vị hành chính tổng, xã, thôn, phường các địa phương và ra chỉ dụ “những tên Nôm và mặt chữ không nhã thì bàn định đổi đi” [7]. Theo tinh thần này, sau năm 1831, cùng với cuộc cải cách hành chính của Minh Mệnh, địa dư và hệ thống địa danh Thăng Long có những

thay đổi quan trọng. Trước hết là sự xuất hiện của tên gọi “Hà Nội” sau khi nhà Nguyễn quyết định xây dựng một tỉnh lớn với diện tích rộng bao gồm 4 phủ và 15 huyện, nằm giữa hai con sông lớn là sông Hồng và sông Đáy. Tổ chức hành chính của hai huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xương, trung tâm của Thăng Long cũ và Hà Nội mới có những thay đổi đáng kể theo hướng thu gọn số lượng đơn vị hành chính cơ sở, từ 249 xuống còn 156 đơn vị. Theo đó, bức tranh địa danh hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận cũng chịu những biến động lớn theo xu hướng chung là Hán “hóa” các tên gọi, sử dụng các mỹ tự mang ý nghĩa hay, đẹp, tránh tình trạng diễn giải, mô tả theo kiểu “nôm na”. Tên gọi của toàn bộ 8 tổng huyện Thọ Xương đều thay đổi. Các địa danh được cấu tạo theo kiểu mô tả vị trí trước đây đều được thay thế bằng các mỹ tự được lựa chọn từ tên gọi của một đơn vị cơ sở cũ trong tổng: tổng Tả Túc đổi tên thành Phúc Lâm, tổng Tiền Túc đổi thành Thuận Mỹ, tổng Hữu Túc đổi thành Đông Thọ, tổng Hậu Túc đổi thành Đông Xuân, tổng Tả Nghiêm đổi thành Kim Hoa (sau đổi thành Kim Liên vì kiêng húy), tổng Hữu Nghiêm đổi thành Yên Hòa, tổng Tiền Nghiêm đổi thành Vĩnh Xương, tổng Hậu Nghiêm đổi thành Thanh Nhàn.

Trên cơ sở khảo sát tình hình biến đổi cung của địa danh Thăng Long - Hà Nội sau năm 1831, chúng tôi có một số nhận xét:

a) Số lượng các đơn vị hành chính cơ sở của huyện Thọ Xương giảm từ 193 xuống còn 116 đơn vị, trong đó, có 53 đơn vị giữ nguyên tên gọi so với giai đoạn trước (chiếm 45,29%). Địa giới hành chính các đơn vị này có thể được giữ nguyên, cũng có thể được mở rộng, sáp nhập thêm một số đơn vị khác vào. Có những tổng bảo lưu khá nhiều địa danh cũ, như tổng Phúc Lâm, Thuận Mỹ, Đông Xuân. Song cũng có những tổng hầu như còn lại rất ít đơn vị giữ lại các tên gọi cũ, như các tổng Thanh Nhàn (còn

lại 1), Yên Hòa (còn lại 3), Kim Liên (còn lại 5). Điều đáng lưu ý là các địa danh được giữ nguyên đều là địa danh Hán Việt. Không một địa danh thuần Việt nào được lưu giữ với tư cách là địa danh hành chính, mặc dù trong các khu vực được định danh này vẫn tồn tại rất nhiều phường/phố nghề mang tên Nôm như Hàng Đàn, Hàng Muối, Hàng Vôi...

b) Các đơn vị thay đổi tên gọi cũng không nhỏ (56 trường hợp). Việc thay đổi tên gọi có thể giải thích bằng một số nguyên nhân,

- Nguyên nhân thứ 1: do địa danh có chứa yếu tố trùng với húy phải chuyển sang một chữ hoặc âm khác theo lệnh ban bố của triều đình trong các giai đoạn khác nhau [8]: Tại giai đoạn này, 6 thôn, phường mang tên có chữ Hoa đều phải đổi do tránh húy mẹ vua Thiệu Trị là bà Hồ Thị Hoa: *thôn Xuân Hoa* phải đổi chữ thành *Xuân Yên*; thôn Nam Hoa đổi thành Nam Phố; thôn Hoa Viên đổi thành Hương Viên; phường Kim Hoa đổi thành Kim Liên; phường Yên Hoa đổi thành Yên Phụ, thôn Nam Hoa đổi thành Nam Ngư. Ngoài ra còn một số trường hợp khác như thôn Hương Viên đổi thành Phương Viên, thôn Văn Hương đổi thành Văn Chương do kiêng húy mẹ nuôi vua Kiến Phúc là bà Nguyễn Thị Hương; *phường Hồng Mai* phải đổi thành *Bạch Mai* do kiêng húy tiểu tự vua Tự Đức.

- Nguyên nhân thứ 2 là do chủ trương “Hán hóa” địa danh. Sau năm 1831, toàn bộ 19 địa danh gốc Việt đều không còn nữa, hoặc được thay thế bằng từ Hán Việt, hoặc được sáp nhập vào các đơn vị hành chính khác mang tên Hán Việt. Địa danh *thôn Chùa Tháp phường Báo Thiên* được đổi thành *thôn Tự Tháp phường Báo Thiên*. Thôn Khán Sơn Núi Sưa đổi tên thành Khán Xuân. Thôn Tả Bà Ngô đổi thành Thanh Ngô (năm 1866 đổi thành thôn Thanh Miến).

- Nguyên nhân thứ 3 là do sáp nhập các đơn vị hành chính. Về lý thuyết, có thể có hai khả năng.

Khả năng thứ nhất: sáp nhập với một đơn vị hành chính sẵn và sử dụng tên gọi của đơn vị đó. Như ba thôn của tổng Vĩnh Xương (Tiền Nghiêm cũ) là *Quang Hoa, Thế Giao và Pháp Hoa* được nhập vào thôn Thiên Quang, chỉ còn lại một thôn trong huyện Vĩnh Xương.

Khả năng thứ hai: sáp nhập một số đơn vị với nhau tạo thành đơn vị mới. Tên gọi của đơn vị mới có thể hoàn toàn mới, không có liên quan tới các địa danh cũ. Như trường hợp các thôn *Thương Môn Thượng Phường Báo Thiên, Thương Môn Hạ Phường Báo Thiên, Thương Đông Hạ Phường Báo Thiên* (vốn cùng với thôn Chùa Tháp Phường Báo Thiên được tách ra từ phường Báo Thiên, một phường cổ được hình thành từ thế kỷ 16 [9]) được nhập thành một thôn với tên gọi Đông Mỹ (tổng Vĩnh Xương), thuần túy là một mỹ tự, không có liên quan tới ý nghĩa cũng như nguồn gốc xuất phát của các địa danh cũ. Tên gọi mới cũng có thể là sự kết hợp các thành tố của các địa danh cũ. Có thể nói đây là hiện tượng phổ biến nhất, chiếm tỉ lệ cao nhất trong số các trường hợp đổi tên trong giai đoạn này (36 trường hợp). Phương thức này rất thuận tiện, vừa rút gọn được số lượng các đơn vị hành chính cấp cơ sở theo chủ trương cải cách hành chính của vua Minh Mệnh, đồng thời về cơ bản đáp ứng được tâm lý của người dân khi dấu vết làng quê của họ vẫn được lưu dấu lại qua tên gọi mới. Tuy vậy sau khi sáp nhập, việc lựa chọn tên gọi chắc chắn đã được chính quyền cân nhắc kỹ lưỡng sao cho vừa thuận âm đồng thời có nghĩa đẹp.

Giả sử ký hiệu địa danh của đơn vị hành chính thứ nhất (chủ yếu là địa danh 2 âm tiết) là A1-A2, địa danh của đơn vị thứ hai là B1-B2. Qua khảo sát các trường hợp thay đổi địa danh do sáp nhập, chúng tôi thấy có 3 mô hình (chủ yếu đối với các địa danh có 2 âm tiết).

+ *Mô hình thứ nhất*: địa danh mới được cấu tạo từ hai yếu tố đầu tiên trong địa danh của từng đơn vị theo mô hình $\boxed{A1-B1}$. Ví dụ:

(Thôn) **Thịnh** Xương sáp nhập với (thôn) **Yên** Bàn thành (thôn) **Thịnh Yên**

+ *Mô hình thứ hai*: địa danh mới được cấu tạo từ hai yếu tố cuối cùng trong địa danh của từng đơn vị theo mô hình $\boxed{A2-B2}$. Ví dụ:

(Thôn) Cung **Tiên** sáp nhập với (thôn) Tứ **Mỹ** thành (thôn) **Tiên Mỹ**

+ *Mô hình thứ ba*: địa danh mới được cấu tạo từ yếu tố đầu của địa danh thứ nhất và yếu tố cuối cùng của địa danh thứ hai theo mô $\boxed{A1-B2}$. Ví dụ:

(Thôn) **Cảm** Ứng sáp nhập với (thôn) Yên **Hội** thành (thôn) **Cảm Hội**

Có trường hợp sáp nhập cùng lúc 4 hoặc 5 đơn vị lại thành một đơn vị, tên gọi mới cũng sử dụng theo phương thức ghép tên, song chỉ lấy yếu tố của hai đơn vị để tạo thành một tên gọi hay, có nghĩa nhất. Ví dụ trường hợp 5 thôn là Khâm Thiên Giám (tên chữ là Khâm Đức), Trương Thuận, Tô Tiên, Trung Kính, Phù Mỹ được sáp nhập lại thành một thôn của tổng Vĩnh Xương với tên gọi mới là Mỹ Đức là sự kết hợp thành tố địa danh chỉ của thôn Khâm Đức và thôn Phù Mỹ (theo mô hình 2).

Ngoài ra cũng có một số giải pháp khác tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Ví dụ khi sáp nhập thôn Vũ Thạch Hạ và Vũ Thạch Tiểu, tên gọi mới chỉ còn giữ yếu tố chung của 2 thôn là Vũ Thạch. Khi sáp nhập thôn Lương Xá và Yên Xá, chỉ lược bỏ yếu tố chung Xá, tạo thành tên gọi mới là thôn Lương Yên.

-Nguyên nhân thứ 4: do rút gọn các địa danh

Số lượng âm tiết các địa danh giai đoạn thứ hai có những khác biệt đáng kể so với giai đoạn

trước. Nếu giai đoạn trước, do mang nặng tính mô tả nên dung lượng (độ dài) các địa danh thường lớn, thì ở giai đoạn này, số lượng các địa danh được cấu tạo bằng 2 âm tiết chiếm tỉ lệ lớn (84,61%, so với giai đoạn trước là 67,87%) và chủ yếu là những địa danh mới. Các địa danh có số lượng âm tiết lớn của giai đoạn trước có xu hướng được rút gọn thành hai âm tiết, dễ nhớ và dễ sử dụng. Địa danh dài nhất “*thôn Ngoại Ô giáp Hương Bài Phường Đông Hà*” được rút gọn lại thành một tên gọi mới là thôn Hương Nghĩa. *Thôn Nam Môn Thị Hoa Ngư* rút gọn thành thôn Nam Ngư, vừa gọn gàng, vừa tránh chữ húy Hoa. Nhiều thôn vốn có yếu tố cấu tạo nguồn gốc làm định ngữ như thôn Trung Tự Phường Đông Tác, thôn Cửa Nam Phường Đông Tác...được đơn giản hóa bằng việc bỏ phần định ngữ, chỉ còn lại tên Trung Tự, Cửa Nam.

Tuy vậy cũng có trường hợp nguyên nhân thay đổi địa danh do những nhân tố địa lý hoặc lịch sử quy định. Thôn *Trung Liệt Miếu Bến Đá* là một thôn nằm sát bờ sông Hồng (khu vực phố Trần Quang Khải). Theo Nguyễn Viết Chức, có địa danh trên bờ đầu thế kỷ 19 tại đây có một bến đò có kè đá nên được gọi là Bến Đá. Trong bản đồ Hà Nội năm 1831 tên thôn được đổi thành thôn Trung Liệt Miếu Thạch Tân (có nghĩa là Bến Đá), nhưng đến khoảng giữa thế kỷ 19, do sông Hồng chuyển dòng, bến đò bị cát bồi, thuyền bè không tới nữa, miếu Trung Liệt cũng bị phá hỏng, do vậy đổi tên thôn thành Cổ Tân (古津村 có nghĩa là Bến cũ) [11].

Bức tranh địa danh sau năm 1888

Sau đạo dụ của vua Đồng Khánh chấp nhận nhượng đất cho Pháp làm khu nhượng địa, lần lượt phần lớn đất của hai huyện Thọ Xương và

Vĩnh Thuận bị lấy làm phố. Thành phố Hà Nội được thành lập, thực tế trở thành một thành phố thuộc địa của Pháp. Do không gian Hà Nội không ngừng được mở rộng, chính quyền Pháp buộc phải tổ chức lại đơn vị hành chính cơ sở cho phù hợp và thuận lợi trong quản lý. Theo Nghị định số 791 ngày 17/7/1914 của Đốc lý Hà nội, “Hà Nội được chia thành tám quận (quartier), người Việt vẫn quen gọi là Hộ. Dưới các hộ là các cụm dân cư gồm một số đường phố hay còn gọi là các khu phố nhỏ, đứng đầu là một trưởng phố. Các hộ phố thuộc sự quản lý của phòng Các công việc bản xứ của Tòa Đốc Lý” [12]. Các Hộ được định danh bằng phương thức đánh số thứ tự theo chữ La Mã từ I đến VIII. Theo “Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ” của Ngô Vi Liễu, tám hộ bao gồm 218 đơn vị là các đường, phố, ngõ đã được đặt tên bằng tiếng Pháp hoặc mới được đánh số thứ tự, chưa có tên chính thức [13].

Ngoại trừ khu vực được lấy làm phố, theo Danh sách các phủ huyện của tỉnh Hà Nội năm 1888 và Danh mục làng xã Hà Nội cuối thế kỷ 19 (năm 1890), tỉnh Hà Nội giai đoạn này gồm 4 Phủ: Phủ Hoài Đức (4 huyện), phủ Thường Tín (3 huyện), phủ Ứng Hòa (2 huyện), phủ Mỹ Đức (2 huyện). Mặc dù tên gọi huyện Thọ Xương và huyện Vĩnh Thuận vẫn tồn tại trong các tài liệu, song thực tế, địa dư của các huyện đã có những thay đổi rất lớn. Các đơn vị hành chính còn lại của hai huyện này, đặc biệt là huyện Thọ Xương chỉ là một phần rất nhỏ so với giai đoạn trước 1888. Về phương diện địa danh, có thể đưa ra một số nhận xét sau:

- Về cơ bản, nhiều địa danh được sử dụng giai đoạn này không thay đổi so với địa danh giai đoạn trước, nhất là hệ thống tên gọi các

tổng và các đơn vị thuộc huyện Vĩnh Thuận. Có thể dự đoán rằng địa giới hành chính của các đơn vị này không thay đổi hoặc không có những biến đổi lớn. Địa danh của các đơn vị vốn là thôn, xã cũ của huyện Thọ Xương cũng vẫn giữ nguyên.

- Một số tên gọi tiếp tục thay đổi chủ yếu do kỵ các húy được ban hành trong giai đoạn này, như phường Thụy Khuê (tổng Trung) được đổi tên từ phường Thụy Chương; phường Nhật Chiêu (tổng Thượng) đổi thành Nhật Tân do kỵ húy vua Thành Thái. Riêng tổng Nội có những thay đổi đáng kể. Khác với xu hướng giảm các đơn vị hành chính, tổng Nội lại tăng từ 10 thành 12 đơn vị cơ sở vào cuối thế kỷ 19. Xuất hiện ba địa danh mới là thôn Ngọc Khánh, thôn Kim Mã và thôn Trung.

Ngày 26/12/1896, viện có “lấy thành phố Hà Nội làm tỉnh lỵ của tỉnh Hà Nội, tức là để các quan tỉnh người bản xứ đóng trụ sở trên đất nhượng địa là không hợp lý, cần đưa họ về gần với dân chúng, đặt dưới quyền cai trị của họ” [14], toàn bộ tỉnh lỵ tỉnh Hà Nội chuyển về Cầu Đơ, một làng thuộc huyện Thanh Oai. Năm 1899, trên cơ sở phần đất còn lại của huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xương, sáp nhập thêm một số thôn xã của huyện Từ Liêm và Thanh Trì, huyện Hoàn Long được thành lập làm huyện ngoại ô Hà Nội. Trong “*Danh sách các xã thuộc huyện Hoàng Long, ngoại thành Hà Nội*” năm 1906 có ghi huyện Hoàng Long gồm 9 tổng: tổng Thượng, tổng Trung, tổng Nội, tổng Yên Hạ (tên mới của tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận cũ), tổng Vĩnh Yên, tổng Kim Liên, tổng Thanh Nhân, tổng Hoàng Mai, tổng Phúc Lâm. Theo Quyết định ngày 10/12/1914 của Toàn quyền Đông Dương, bắt đầu từ 1/1/1915, bãi bỏ vùng ngoại ô Hà Nội, sáp nhập huyện Hoàng

Long (sau mang tên là đại lý Hoàn Long) vào tỉnh Hà Đông vốn trước có tên là tỉnh Cầu Đơ, huyện lỵ nằm tại thôn Cầu Đơ. Từ giai đoạn này trở đi tới trước năm 1954, khái niệm Hà Nội chỉ còn là phần thành phố với các đường, phố, ngõ theo phương thức tổ chức của một thành phố phương Tây.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thúy Nga (2010). Địa danh Thăng Long-Hà Nội thời Nguyễn (khảo cứu từ nguồn tư liệu Hán Nôm). Nxb KHXH.
- [2] Lê Trung Hoa. Địa danh học Việt Nam. Nxb KHXH. 2006
- [3] Vũ Văn Quân. (2010). Quy hoạch hành chính và tổ chức bộ máy quản lý Thăng Long-Hà Nội thời kỳ Trung đại (Thăng Long- Hà Nội, tuyển tập công trình nghiên cứu lịch sử. Tập 1. Tr.495. Nxb Hà Nội).
- [4] Nguyễn Quang Ngọc (2010). Cấp phường ở Thăng Long-Hà Nội: Quá trình hình thành, biến đổi và những nét đặc trưng (Thăng Long- Hà Nội, tuyển tập công trình nghiên cứu lịch sử. Tập 1.
- [5] Nguyễn Quang Ngọc. Thập Tam trại-nguồn gốc dân cư, tín ngưỡng thành Hoàng và đặc điểm kinh tế, TCKH ĐHTH HN, số 1/1986.
- [6] Bùi Thiết. Từ điển địa danh Thăng Long-Hà Nội. Tr.156 và Tr.248.
- [7] Phan Phương Thảo, (chủ biên), 2013. Khu phố cổ Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX qua tư liệu địa chính, Nxb Chính trị quốc gia.Tr.125.
- [8] Ngô Đức Thọ (H.1997). Chử húy Việt Nam qua các triều đại. Nxb Văn hóa.
- [9] Phạm Thùy Vinh, Tìm hiểu sự biến động của các địa danh hành chính thuộc kinh thành Thăng Long
- [10] được phản ánh trên tư liệu văn khắc Hán Nôm, kỷ yếu Hội thảo VNH lần thứ 4.
- [11] Nguyễn Trãi toàn tập, Dư địa chí, Nxb Khoa học xã hội, H.1976, tr.217.
- [12] Nguyễn Viết Chức (chủ biên). H, 2010. Từ điển đường phố Hà Nội. Nxb Hà Nội.
- [13] Phan Huy Lê. Lịch sử Thăng Long-Hà Nội. Tr.331.
- [14] Ngô Vi Liễu. Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ. Nxb Văn hóa thông tin.

Change of Administrative Place-names Structure in Thăng Long - Hà Nội of Nguyễn Dynasty (1802-1945)

Nguyễn Thị Việt Thanh

*VNU - Institute of Vietnamese Studies and Development Sciences,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam*

Abstract: On the basis of the circumstances and historical conditions of Nguyễn dynasty which were full of turbulence, especially Minh Mạng's major administrative reforms and the occupation of French that aims to turn Hanoi into a colonial city, the paper aims to introduce the characteristics of the system of the administrative places names of Thăng Long - Hanoi in three periods: 1802 - 1831, 1831 – 1887, and after 1888. Along with describing the general characteristics of the administrative place-name system, from the number of syllables, origin of words to the characteristics of typical structures compared to other areas, the paper focuses on clarifying the important differences between the periods, highlighting on the construction methods and the structures of new names under the influence of the “Hán cultural” – policy of using beautiful words of the Dynasty and reducing the number of administrative units by merging them. Through documentation and analysis, the paper wants to provide a panorama of administrative place-names picture of Thăng Long - Hanoi for more than a century of the Nguyễn Dynasty, which reflects the historical, cultural, social characteristics of Thăng Long - Hanoi during this historical period.

Keywords: Places administrative, administrative units, Thang Long - Ha Noi, place - name complexes, method of composition, historical periods.